

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp lối đi chung do
lấn chiếm; Tháo dỡ công trình
vật kiến trúc trên lối đi chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán:

Bà **Ngô Thị Trang**

Bà **Trần Thị Diệu**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Vân Nha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông **Ngô Văn Nghị**
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp lối đi chung do lấn chiếm; Tháo dỡ công trình vật kiến trúc trên lối đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1974; Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thành K, sinh năm 1966; Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Các bị đơn:

+ Ông Lê Tiến L, sinh năm 1978; Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị Lệ K1, sinh năm 1978; Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thuận K2, sinh năm 1974; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H là ông Lê Thành K trình bày:

Ngày 28/7/2007, ông Võ Thuận K2 chuyển nhượng bằng giấy viết tay cho bà Võ Thị H thửa đất số 01, tờ bản đồ Giếng Máng, có nguồn gốc đất cha mẹ để lại, diện tích 1.000m², đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G770213 cho ông Võ Thuận K2 ngày 13/7/2001, giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng. Bà H đưa trước cho ông K2 15.000.000 đồng sau đó bà H đưa thêm cho ông K2 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến tháng 6 năm 2008, bà H đưa đủ 5.000.000 đồng còn lại và ông K2 sẽ hoàn thành thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà H.

Ngày 17/7/2019, tại Ủy ban nhân dân xã N, bà H thống nhất chuyển nhượng lại cho ông K2 5,5m chiều ngang, chiều dài tiếp giáp ranh giới đất nhà bà B (mẹ ruột của ông Lê Tiến L). Ông K2 không nhận 5.000.000 đồng còn lại mà phải trả thêm cho bà H số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2019, ông K2 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H cùng số tiền 40.000.000 đồng. Hai bên đo đạc, cắm mốc bàn giao lô đất như thỏa thuận và chừa lối đi chung là 2,82m làm lối đi chung. Sau đó ông K2 chuyển nhượng diện tích đất cho vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1. Diện tích cụ thể bao nhiêu mét, bà H không nắm rõ. Vợ chồng ông L, bà K1 xây dựng nhà cấp 4 và chiếm luôn diện tích 2,82m x 5,5m là lối đi chung. Khi vợ chồng ông L tiến hành xây vành đai kiềng, gồm 01 lớp đá chẻ, bà H ra ngăn chặn. Ngày 23/9/2021, tại UBND xã N, ông K2 thống nhất tác động vợ chồng ông L, bà K1 tháo gỡ phần chân kiềng đã lấn chiếm. Vợ chồng ông L thống nhất phá bỏ lớp chân kiềng trên diện tích làm lối đi chung. Bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông

L thực hiện như cam kết nhưng vợ chồng ông L không làm đúng như biên bản hòa giải thành ngày 23/9/2021.

Bà H yêu cầu vợ chồng ông L, bà K1 phải tháo dỡ toàn bộ diện tích xây dựng lấn chiếm, cụ thể tháo dỡ mái tôn, di dời bộ bàn ghế đá, cây cảnh và tháo dỡ lớp chân kiềng và công nhận diện tích 15,51m² (2,82m x 5,5m) là lối đi chung giữa hai thửa đất nhà bà H và vợ chồng ông L. Chi phí tháo dỡ do vợ chồng ông L tự chịu.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 trình bày:

Ngày 10/7/2020 ông Võ Thuận K2 (là cậu ruột của ông Lê Tiến L) chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 diện tích 121m² (5,5m x 22m) với số tiền 110.000.000 đồng có vị trí tứ cận: Đông giáp đất tộc họ Nguyễn K3, Tây giáp đất bác Sĩ Đ, Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H1, Bắc giáp đất bà Võ Thị Bích. Trước khi chuyển nhượng vợ chồng ông có tìm hiểu nguồn gốc thửa đất không có lối đi vào nên buộc phải đi nhờ đường của bà Võ Thị B1 (mẹ ruột của ông Lê Tiến L). Vợ chồng ông L đã xin bà B1 đi nhờ nên mới đồng ý nhận chuyển nhượng lô đất trên của ông K2. Giữa ông K2 và vợ chồng ông L không thỏa thuận thêm vấn đề gì khác trong hợp đồng chuyển nhượng lập bằng giấy tay ngày 10/7/2020. Năm 2021, vợ chồng ông L tiến hành xây dựng nhà cấp 4, khi vừa hoàn thành 01 lớp chân kiềng thì bà H1 ra ngăn cản. Sau đó vợ chồng bà mới biết giữa ông K2 và bà H1 thỏa thuận chừa 15,51m² làm lối đi chung giữa hai thửa đất. Vì nghĩ tình cảm cậu cháu, ngày 23/9/2021 tại UBND xã N, vợ chồng bà thống nhất xây dựng chừa lại 15,51m² làm lối đi chung qua đất của bà H1, tháo dỡ phần đá kiềng đã xây dựng.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông K2, bà H1 vẫn để đất trống. Nếu sau này bà H1 cất nhà ở thì vợ chồng bà sẽ dọn bộ bàn ghế đá trả lại lối đi chung là 15,51m². Đối với mái tôn, do ở trên không trung không làm ảnh hưởng đến lối đi chung nên đề nghị Tòa án cho giữ lại để che nắng, che mưa. Còn đối với phần đá kiềng đã xây dựng thì đề nghị Tòa án cũng giữ lại vì sau này bà H1 có xây dựng nhà ở thì sẽ sử dụng chung, không cần phải xây thêm. Hiện nay vợ chồng ông đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nhận chuyển nhượng và cũng thống nhất chừa lại 15,51m² làm lối đi chung, không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với diện tích trên. Vợ chồng ông L không yêu cầu bà H1 phải hoàn trả tiền công đầu tư trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thuận K2 trình bày:

Năm 2007, ông có sang nhượng cho bà Võ Thị H một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ Giếng Máng, diện tích khoảng 500m², số tiền 30.000.000 đồng. Khi sang nhượng hai bên chỉ làm giấy viết tay. Tuy nhiên bà H chỉ giao cho ông số tiền 25.000.000 đồng, hơn 10 năm sau, bà H mới giao cho ông 5.000.000 đồng số tiền còn lại. Do đồng tiền mất giá nên ông và bà H thỏa thuận bà H giao lại cho ông 3,5m ngang và sang nhượng lại cho ông thêm 02m ngang để đủ 01 lô đất cho chiều ngang là 5,5m, chiều dài thì đến hết đất.

Diện tích 1000m² tại thửa đất số 01, tờ bản đồ Giếng Máng được phân thành 03 lô: 01 lô ông đã sang nhượng cho bà H, 01 lô chiều ngang 5,5m của ông, lô còn lại ông tặng cho bà Võ Thị B1 (chị ruột của ông K2).

Năm 2020, ông đã sang nhượng bằng giấy tay lô đất có chiều ngang 5,5m cho vợ chồng cháu Lê Tiến L, Nguyễn Thị Lệ K1 với số tiền 110.000.000 đồng. Khi sang nhượng, các bên đều thỏa thuận và thống nhất có lối đi chung là 2,82m ngang và 5,5m dài vào phần đất. Năm 2021 giữa bà H, vợ chồng ông L xảy ra tranh chấp về lối đi chung, các bên được UBND xã hòa giải và đã thống nhất vợ chồng ông L sẽ tháo dỡ nền nhà trả lại lối đi chung cho bà H. Nhưng vợ chồng ông L không thực hiện đúng cam kết. Nay bà H khởi kiện tại Tòa án thì ông cũng đồng ý các yêu cầu của bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 208, 218, 254 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1. Công nhận 15,4m² thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 36-1 là lối đi chung. Buộc ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 tháo dỡ 01 mái hiên cột kèo sắt, mái tôn kẽm có diện tích (5,5m x 2,8m); 01 cổng trụ bê tông gồm 02 trụ, cửa sắt ngang 0,4m, rộng 0,4m, cao 1,9m; Di dời 01 bộ bàn ghế đá. Chi phí tháo dỡ do vợ chồng ông L, bà K1 tự chịu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn bà Võ Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, cụ thể: Buộc vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 phải tháo dỡ hoàn toàn phần xây dựng và trả lại hiện trạng ban đầu của lối đi chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Phần xây dựng là đá kiềng trên lối đi chung hiện nay còn giá trị. Vợ chồng bị đơn đang sử dụng còn nguyên đơn chưa sử dụng đất nên buộc tháo dỡ sẽ lãng phí. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn nên được xem xét, giải quyết. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt. Ông Võ Thuận K2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

[1.2] Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn tháo dỡ bao gồm 01 nền xi măng móng đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và nền láng xi măng 5,5m x 2,8m trên diện tích lối đi chung.

[2] Các đương sự tranh luận

[2.1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo cho rằng: Vợ chồng bị đơn Lê Tiến L, Nguyễn Thị Lệ K1 đã xây kiên, móng đá chẻ; Gắn trụ cổng và cổng; Trụ và mái che. Bản án sơ thẩm xác định lối đi chung nhưng chỉ buộc bị đơn tháo dỡ phần trụ gắn cổng; Trụ gắn mái che mà không buộc tháo dỡ 01 nền xi măng móng đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và nền láng

xi măng 5,5m x 2,8m trên diện tích lối đi chung nên nguyên đơn không thể đi vào thửa đất của mình bằng lối đi chung.

[2.2] Bị đơn tranh luận: Lối đi chung đã được bị đơn đổ đất, nâng nền và xây móng đá chẻ cao hơn hiện trạng ban đầu khoảng 20cm nên đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng mà bị đơn đã xây dựng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn

[3.1] Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ, xác định diện tích 15,4m² theo trích lục bản đồ địa chính số 326/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 08/8/2022 của Văn phòng Đ1, chi nhánh huyện N là lối đi chung là đúng. Trên diện tích lối đi chung, vợ chồng bị đơn Lê Tiến L, Nguyễn Thị Lệ K1 xây dựng các công trình và vật kiến trúc gồm: 01 mái hiên cột kèo sắt, mái tôn kẽm diện tích 5,5m x 2,8m; 01 cổng trụ bê tông gồm 02 trụ, cửa sắt ngang 0,4m x rộng 0,4m x cao 1,9m; một bộ bàn ghế đá; 01 nền xi măng móng đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và nền láng xi măng 5,5m x 2,8m đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất chung của nguyên đơn bà Võ Thị H nên bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc trả lại lối đi chung là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lối đi chung; Buộc bị đơn tháo dỡ 01 mái hiên cột kèo sắt, mái tôn kẽm diện tích 5,5m x 2,8m; 01 cổng trụ bê tông gồm 02 trụ, cửa sắt ngang 0,4m x rộng 0,4m x cao 1,9m; một bộ bàn ghế đá. Riêng 01 nền xi măng móng đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và nền láng xi măng 5,5m x 2,8m nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bản án sơ thẩm không tuyên, không giải quyết trong phần quyết định của bản án là bỏ sót yêu cầu của đương sự. Lẽ ra, cần phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy tại Biên bản hòa giải ngày 23/9/2021, bị đơn đồng ý tháo dỡ nền xi măng, móng đá chẻ trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

[3.2] Nguyên đơn cung cấp hình ảnh lối đi chung đang tranh chấp hiện nay bị đơn đã xây kiềng, móng đá chẻ, trụ cổng gấn cổng, mái che và đặt 01 bộ bàn ghế đá làm nơi sinh hoạt của gia đình bị đơn. Do đó, bị đơn đồng ý tháo dỡ vật kiến trúc gồm trụ gấn mái che, trụ gấn cổng... nhưng không đồng ý tháo dỡ diện tích nền xi măng, móng đá chẻ đồng thời nại ra rằng sẽ khó khăn cho việc đi lại khi tháo dỡ là phần nền móng đá chẻ là không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận.

[3.3] Bản án sơ thẩm nhận định: Nền xi măng xây móng đá chẻ nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến việc đi lại cho hộ ông L để đi sang các hộ liền kề đồng thời sẽ làm giảm giá trị sử dụng đất nên không cần thiết phải tháo dỡ nền xi măng đá chẻ theo yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị H. Nội dung lập luận của bản án sơ thẩm không khách quan, thiếu cơ sở khoa học, không có căn cứ vì quyền sử dụng đất chung phải được các chủ sử dụng đất thỏa thuận, sử dụng theo ý chí chung. Bị đơn xây dựng nền móng đá chẻ cao 0,4m so với mặt đất đã cản trở bà Võ Thị H đi vào thửa đất. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy nội dung tranh luận và kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Lê Tiến L, Nguyễn Thị Lệ K1 phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc trên diện tích lỗi đi chung 15,4m² (được xác định bởi các điểm A, B, C, D), gồm:

- + 01 mái hiên cột kèo sắt, mái tôn kẽm 5,5 x 2,8m
- + 01 cổng trụ bê tông gồm 02 trụ, cửa sắt ngang 0,4m x rộng 0,4m x cao 1,9m. Di dời 01 bộ bàn ghế đá.
- + 01 nền xi măng móng đá chẻ, trong đó móng xây đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và 01 nền láng xi măng 5,5m x 2,8m.

[3.4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể cả phần án phí. Vì kháng cáo của bà Võ Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 phải liên đới chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 148 khoản 2, Điều 308 khoản 2, Điều 313 khoản 6 của BLTTDS. Điều 216, 217 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H đối với bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1; Xác định diện tích 15,4m² thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 36-1, được xác định bởi các điểm A, B, C, D theo Trích lục

bản đồ địa chính số 326/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 08/8/2022 của Văn phòng Đ1, chi nhánh huyện N là lối đi chung của bà Võ Thị H và vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1. Buộc vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời công trình, vật kiến trúc trên diện tích lối đi chung 15,4m² gồm:

+ Tháo dỡ 01 mái hiên cột kèo sắt, mái tôn kẽm diện tích 15,4m² (5,5m x 2,8m);

+ Tháo dỡ 01 cổng trụ bê tông gồm 02 trụ, cửa sắt ngang 0,4m x rộng 0,4m x cao 1,9m; Di dời 01 bộ bàn ghế đá;

+ Tháo dỡ 01 nền xi măng móng đá chẻ, trong đó móng xây đá chẻ 5,5m x 0,4m x 0,2m và 01 nền láng xi măng diện tích 15,4m² (5,5m x 2,8m).

3. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 phải chịu 1.404.625đ (*Một triệu bốn trăm linh bốn nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*) nên vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị H 1.404.625đ (*Một triệu bốn trăm linh bốn nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Vợ chồng ông Lê Tiến L, bà Nguyễn Thị Lệ K1 có nghĩa vụ liên đới không phân chia phần chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006704 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006975 ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/5/2023./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên